TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2020/HNGĐ - ST
Ngày 04 tháng 9 năm 2020
(V/V Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Minh Đón – Nguyên bí thư Đoàn xã H;
2. Ông Lê Xuân Thuật – Cán bộ hưu trí xã Y.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 97/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST – HPT ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993; (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: thôn T, xã Th, huyện Y, tỉnh H

2. Bị đơn: Chị Trương Thị U , sinh năm 1995 (Có mặt);
HKTT: thôn T, xã Th, huyện Y, tỉnh H
Địa chỉ cư trú: Thôn Th, xã T, huyện Y, tỉnh H

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 25/6/2016;
Người đại diện hợp pháp cho cháu A: Anh Nguyễn Văn Đ (bố đẻ)

4. Những người làm chứng: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị K (đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với chị Trương Thị U trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã Th vào ngày 30/12/2013. Sau khi kết hôn xong anh Đ và chị U chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, vợ chồng không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình và đã chính thức sống ly thân nhau, trong thời gian ly thân không ai quan tâm gì đến ai, cuộc sống của ai chỉ biết của người đó. Anh Đ xin ly hôn chị U, chị U xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng chị mong muốn được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung, nếu

anh Đ cương quyết xin ly hôn thì chị cũng nhất trí vì chị cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc.

Về con chung: Anh Đ và chị U có một con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 25/6/2016. Hiện cháu A đang ở với anh Đ. Ly hôn cả anh Đ và chị U đều đề nghị Tòa án xin được nuôi dưỡng con chung.

Anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị U đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 2.000.000đồng.

Hiện anh Đ làm nghề lái xe mức thu nhập một tháng là 10.000.000đồng.

Chị U khai hiện chị chưa có nghề nghiệp, không có thu nhập gì và chuẩn bị đi nước ngoài.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Cả anh Đ và chị U đều không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Chị U trình bày việc mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác về ruồng rãy vợ con, dẫn đến vợ chồng thường cãi chửi nhau. Tuy nhiên nguyện vọng của chị U mong được đoàn tụ vợ chồng vì anh Đ trong đơn khởi kiện có vu khống chị đi làm ăn bất chính nên phải xin lỗi chị thì chị mới nhất trí ly hôn. Về con chung chị U xin được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, chị yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 2.000.000đồng. Hiện nay chị bán hàng online mỗi tháng thu nhập tầm 10 triệu đồng tuy nhiên tại phiên tòa chị không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho Tòa án mức thu nhập của chị. Về tài sản và các vấn đề khác chị U không yêu cầu giải quyết.

Ông Cxác định: Ông là bố đẻ của anh Đ, anh Đ và chị U trình bày tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn, con chung là đúng. Hiện nay anh Đ làm nghề lái xe thu nhập mỗi tháng là 10 triệu đồng, nếu Tòa án giao con cho anh Đ thì ông sẽ tạo điều kiện hỗ trợ trông nom cháu A và chỗ ở cho anh Đ và cháu A , ông sẽ cho anh Đ đất và nhà để anh Đ và cháu A ở.

Bà K xác định: Bà là mẹ đẻ của chị U, việc mâu thuẫn của anh Đ và chị U là do anh Đ có quan hệ với người khác và thường xuyên gọi điện thoại chửi bới xúc phạm chị U, tuy nhiên bà mong Tòa án giải quyết cho chị U được nuôi dưỡng con chung và bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ăn ở cho hai mẹ con.

Quan điểm của Đại diện VKSND huyện Y xác định toàn bộ quá trình giải quyết, điều tra, xác minh vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Về phía các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trương Thị U kết hôn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thvào ngày 30/12/2013 tại số 107/2013, quyển số 02/2012 nên hôn nhân của anh Đ và chị U là hợp pháp. Quá trình chung sống anh Đ và chị U hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường bất đồng quan điểm về lối sống nên dẫn đến việc cãi chửi nhau, vợ chồng không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình và đã chính thức sống ly thân nhau, thời gian ly thân không ai quan tâm gì đến ai, cuộc sống của ai chỉ biết của người đó. Cả anh Đ và chị U đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh Đ xin ly hôn, chị U có nguyện vọng muốn đoàn tụ để nuôi dạy con chung, chị không có

biện pháp gì để khắc phục tình cảm vợ chồng, nếu anh Đ cương quyết xin ly hôn thì chị cũng nhất trí ly hôn vì vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị U đã trở lên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần xử cho anh Đ được ly hôn chị U là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Đ và chị U có một con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 25/6/2016. Hiện cháu A đang ở với anh Đông. Xét nguyện vọng của anh Đ và chị U về việc xin được nuôi con là chính đáng, tuy nhiên HĐXX thấy chị U hiện chưa có nghề nghiệp, không có thu nhập gì và chị U xác định chị chuẩn bị đi nước ngoài còn cháu A hiện đang ở với anh Đ điều kiện cuộc sống ổn định, anh Đ hiện làm nghề lái xe mức thu nhập mỗi tháng là 10 triệu đồng nên cần giao cháu A cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu A đến khi thành niên, ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị U có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Đ và chị U tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Đ phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. xử:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Trương Thị U .

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 25/6/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu A đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ là người đại diện theo pháp luật của cháu A .

Vì lợi ích của con chung, anh Đông, chị U, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị U được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị U thực hiện quyền này.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003241 ngày 30/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, anh Đ đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Y;*
- *THA huyện Y;*
- *TAND tỉnh H;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA